

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG
Số: 20/2020/QĐST-DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kế Sách, ngày 16 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 338/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Kiên Thị Mạnh Ti N**, sinh năm 1952.

Địa chỉ: số 63, đường 30/4, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh S.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Na: (theo giấy uỷ quyền ngày 16/12/2019)

Ông Trần C, sinh năm 1950.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện K, tỉnh S.

Bị đơn: **Ông Trần Thanh T**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ông Trần C**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện K, tỉnh S.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Kiêm Thị Manh Ti N là ông Trần C và bị đơn là ông Trần Thanh T cùng thống nhất thỏa thuận như sau:

Bà Kiêm Thị Manh Ti N và ông Trần Thanh T cùng thống nhất thỏa thuận hủy bỏ hợp đồng mua bán nhà đất ở do các bên ký kết vào ngày 12/3/2002.

Ông Trần Thanh T đồng ý trả lại cho bà Kiêm Thị Manh Ti N phần căn nhà và đất gắn liền. Cụ thể:

Phần căn nhà và đất được ký hiệu số (2) và (3) có tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp với căn nhà và đất còn lại của bà Na có số đo 3,60m.

Hướng Nam giáp lối đi chung - ký hiệu số (4) có số đo 3,10m.

Hướng Đông giáp đất và vách tường nhà ông Huỳnh Văn Hữu có số đo 9,15m.

Hướng Tây giáp đất và vách tường nhà ông Trần Thanh T có số đo 9,10m.

Diện tích theo đo đạc thực tế là 30,9m².

(có sơ đồ thể hiện tọa độ, vị trí chi tiết kèm theo – sơ đồ gồm hai mặt: 01 mặt thể hiện tọa độ chi tiết; 01 mặt thể hiện kích thước phóng to chi tiết).

Ông Trần Thanh T đồng ý tự nguyện tháo dỡ, di dời các vật dụng sinh hoạt trong nhà.

Bà Kiêm Thị Manh Ti N đồng ý hoàn trả lại cho ông Trần Thanh T 40 (bốn mươi) chỉ vàng 24 Kr, được quy đổi thành tiền tại thời điểm thỏa thuận là 4.520.000 đồng/01 chỉ vàng 24Kr x 40 (bốn mươi) chỉ vàng 24 Kr = **180.800.000 đồng (một trăm tám mươi triệu tám trăm ngàn đồng).**

Bà Kiêm Thị Manh Ti N cùng các thành viên hộ gia đình cam kết để **phần đất được ký hiệu số (3)**, có diện tích theo đo đạc thực tế là 7,30m² dùng làm lối đi chung của hộ gia đình bà Na và hộ gia đình ông Trần Thanh T (bà Kiêm Thị Manh Ti N không có sang nhượng cho ông Trần Thanh T mà sử dụng làm lối đi chung). Bà Kiêm Thị Manh Ti N và các thành viên hộ gia đình bà sẽ không có bất cứ hành vi nào ngăn cản để hộ gia đình ông Trần Thanh T được sử dụng phần lối đi này trong quá trình sinh sống. Phần lối đi mà bà Kiêm Thị Manh Ti N cam kết cho hộ gia đình ông Trần Thanh T sử dụng cụ thể như sau:

Phần đất ký hiệu số (3) có tứ cận:

Hướng Bắc giáp với phần đất và nhà ký hiệu số (2) trả lại cho bà Na có số đo 3,30m.

Hướng Nam giáp lối đi chung - ký hiệu số (4) có số đo 3,10m.

Hướng Đông giáp đất và vách tường nhà ông Huỳnh Văn Hữu có số đo 2,25m.

Hướng Tây giáp đất và vách tường nhà ông Trần Thanh T có số đo 2,30m.

Diện tích theo đo đạc thực tế là 7,30m².

(có sơ đồ thể hiện tọa độ, vị trí chi tiết kèm theo – sơ đồ gồm hai mặt: 01 mặt thể hiện tọa độ chi tiết; 01 mặt thể hiện kích thước phóng to chi tiết).

Ngày bà Kiêm Thị Manh Ti N trả cho ông Trần Thanh T số tiền **180.800.000 đồng (một trăm tám mươi triệu tám trăm ngàn đồng)** là ngày 06/7/2020 dương lịch.

Địa điểm trả tiền: Trụ sở Chi cục thi hành án Dân sự huyện Kế Sách.

Ngày ông Trần Thanh T giao lại nhà và đất cho bà Kiêm Thị Manh Ti N là ngày 06/7/2020 dương lịch.

Nếu ngày thanh toán tiền là ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của Luật lao động thì ngày thanh toán nợ sẽ là ngày làm việc tiếp theo.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đối với phần căn nhà và đất gắn liền do bà Kiêm Thị Manh Ti N đang quản lý sử dụng – ký hiện số (1) có diện tích 83,00m² không nằm trong phần diện tích các bên tranh chấp.

Đối với phần đất trống - ký hiện số (4) có diện tích 11,40m² là lối đi chung hiện đang được bà Kiêm Thị Manh Ti N, ông Trần Thanh T và những hộ liền kề sử dụng, không nằm trong phần diện tích các bên tranh chấp.

Về chi phí tố tụng:

Chi phí tố tụng thực tế với số tiền 6.150.000 đồng là cần thiết và hợp lý.

Bà Kiêm Thị Manh Ti N tự nguyện chịu **3.075.000 đồng (ba triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)** tiền chi phí tố tụng. Do bà Ti N đã nộp trước và đã thanh toán xong nên không phải nộp thêm.

Bà Kiêm Thị Manh Ti N được nhận lại số tiền chi phí tố tụng **3.075.000 đồng (ba triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)** đã thanh toán trước. Buộc ông Trần Thanh T chịu trách nhiệm hoàn trả cho bà Kiêm Thị Manh Ti N **3.075.000 đồng (ba triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)**.

Về Án phí DSST:

Ông Trần Thanh T tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí DSST là **300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)**.

Do ông Trần Thanh T đã tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí DSST nên bà Kiêm Thị Mạnh Ti N không phải chịu tiền án phí DSST.

Do bà Ti N được miễn nộp tiền tạm ứng án phí thuộc trường hợp người cao tuổi nên xem như xong, không có hoàn lại gì.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Hải Duy

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).